

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	9 - 10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	11 - 55

## TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

#### TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1, được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 997/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2438/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước được đăng ký lại lần thứ nhất của Tổng Công ty số 4106000303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/9/2006.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 614/QĐ-BXD ngày 10/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 03/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0300402493 ngày 01/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300402493 thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021 là 1.270.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm bảy mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên Hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là FIC.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Bà	Đỗ Thị Hiếu	Chủ tịch (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Ông Tô Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm Chủ tịch và Thành viên từ ngày 22/4/2021)
Ông	Cao Trường Thụ	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Phạm Việt Thắng	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Đặng Minh Thừa	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Hồ Đình Thuần	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)
Ông	Võ Thành Nhân	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)

##### Ban Kiểm soát

Ông	Đào Quang Sơn	Trưởng ban (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Phạm Việt Thắng	Trưởng ban (Miễn nhiệm Trưởng ban và Thành viên từ ngày 22/4/2021)
Bà	Trần Linh Chi	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Lê Văn Huy	Thành viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)
Ông	Hồ Bảo Hùng	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)

## TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Cao Trường Thọ	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 15/5/2021)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 15/5/2021)
Ông Phạm Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/5/2021)
Ông Hồ Đình Thuần	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 15/01/2021)
Ông Lã Thái Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/5/2021)

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu tại thuyết minh số 7.1 bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021.

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



**Đào Phương Thu**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

10/2021

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần được lập ngày 24/9/2021 từ trang 06 đến trang 55, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Vũ Ngọc Ân****Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0496-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 01/2021/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

**Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2021

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1**  
**- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
 phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>829.900.535.124</b>	<b>1.120.970.067.835</b>
(100 = 110+120+130+140+150)				
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>58.088.016.490</b>	<b>210.699.891.476</b>
1. Tiền	111		45.288.016.490	206.599.891.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.800.000.000	4.100.000.000
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>-</b>	<b>16.820.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	16.820.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>515.894.653.450</b>	<b>568.256.417.443</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	235.855.910.678	355.971.074.849
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	175.436.067.080	154.777.315.832
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	189.366.282.279	143.004.697.450
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(86.853.990.709)	(87.587.054.810)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	5.7	2.090.384.122	2.090.384.122
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>250.879.420.776</b>	<b>319.006.536.814</b>
1. Hàng tồn kho	141		250.909.129.530	319.036.245.568
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(29.708.754)	(29.708.754)
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.038.444.408</b>	<b>6.187.222.102</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	650.363.141	513.822.363
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.077.759.501	5.673.399.739
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.18	310.321.766	-
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.181.419.443.523</b>	<b>1.177.255.632.356</b>
(200 = 210+220+240+250+260)				
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>23.663.536.858</b>	<b>23.876.642.720</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	23.663.536.858	23.876.642.720
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.490.807.934</b>	<b>5.791.505.076</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	3.815.830.130	4.970.431.652
- Nguyên giá	222		52.451.148.447	54.561.591.185
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.635.318.317)	(49.591.159.533)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	674.977.804	821.073.424
- Nguyên giá	228		6.158.352.618	6.158.352.618
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.483.374.814)	(5.337.279.194)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>5.12</b>	<b>15.950.456.725</b>	<b>16.773.219.223</b>
1. Nguyên giá	231		31.597.726.547	31.597.726.547
2. Giá trị hao mòn lũy kế	232		(15.647.269.822)	(14.824.507.324)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>5.13</b>	<b>2.762.507.637</b>	<b>2.200.464.293</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.762.507.637	2.200.464.293
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.087.473.165.304</b>	<b>1.080.559.565.852</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.14	264.701.827.219	257.733.646.870
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.14	779.714.724.865	779.714.724.865
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.14	75.916.921.807	75.971.502.704
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.14	(37.860.308.587)	(37.860.308.587)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.2	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.078.969.065</b>	<b>48.054.235.192</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	47.078.969.065	48.054.235.192
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>2.011.319.978.647</b>	<b>2.298.225.700.191</b>
(270 = 100+200)				

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 01a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>628.579.311.942</b>	<b>994.500.190.991</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>570.583.727.010</b>	<b>936.504.606.059</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	54.594.898.831	148.329.434.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	99.747.463.048	97.655.834.693
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.18	852.419.395	508.950.860
4. Phải trả người lao động	314		1.095.346.740	4.033.291.285
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	345.297.000	2.347.817.642
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		225.000.000	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19	2.149.378.899	2.876.148.123
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20	407.868.653.822	675.271.764.496
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.705.269.275	5.481.364.275
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>57.995.584.932</b>	<b>57.995.584.932</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.19	57.995.584.932	57.995.584.932
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>1.382.740.666.705</b>	<b>1.303.725.509.200</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.21</b>	<b>1.382.740.666.705</b>	<b>1.303.725.509.200</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.133.928.481	7.864.555.574
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		103.606.738.224	25.860.953.626
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.591.580.719	473.495.491
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		79.015.157.505	25.387.458.135
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>2.011.319.978.647</b>	<b>2.298.225.700.191</b>

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thảo Vân

Phạm Việt Thắng



Cao Trường Thụ



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 02a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	554.455.682.214	1.082.060.001.282
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	2.239.065.918	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		552.216.616.296	1.082.060.001.282
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	545.408.025.930	1.075.501.998.948
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		6.808.590.366	6.558.002.334
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	98.463.000.200	87.592.733.204
7. Chi phí tài chính	22	6.5	12.087.501.561	30.862.065.847
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.839.619.675	30.678.726.190
8. Chi phí bán hàng	25	6.6	1.118.366.488	14.117.793.491
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	15.974.489.060	27.864.557.881
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		76.091.233.457	21.306.318.319
11. Thu nhập khác	31	6.7	4.199.406.553	1.905.232.653
12. Chi phí khác	32	6.7	1.275.482.505	915.669.656
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	2.923.924.048	989.562.997
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		79.015.157.505	22.295.881.316
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		79.015.157.505	22.295.881.316

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Thảo Vân

Kế toán trưởng

Phạm Việt Thắng

Tổng Giám đốc



Cao Trường Thọ

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		79.015.157.505	22.295.881.316
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		2.110.115.046	2.744.727.694
- Các khoản dự phòng	03		(733.064.101)	2.873.665.517
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(14.080.823)	-
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(98.541.780.336)	(84.601.861.130)
- Chi phí lãi vay	06		11.839.619.675	30.678.726.190
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		(6.324.033.034)	(26.008.860.413)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		114.092.328.751	(8.627.470.281)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		68.127.116.038	142.854.873.896
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(95.898.245.159)	44.259.557.180
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		838.725.349	680.371.457
- Tiền lãi vay đã trả	14		(12.676.326.641)	(31.976.146.914)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(60.556.404)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.776.095.000)	(1.620.252.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>66.322.913.900</b>	<b>119.562.072.925</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(562.043.344)	(2.564.523.469)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		517.245.455	2.590.240.000
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		16.820.000.000	-
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		68.639.778	52.959.470
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.617.120.326	91.310.906.964
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>48.460.962.215</b>	<b>91.389.582.965</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		633.789.497.241	944.314.131.970
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(901.192.607.915)	(1.123.298.404.380)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(6.721.250)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(267.409.831.924)</b>	<b>(178.984.272.410)</b>

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 03a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(152.625.955.809)	31.967.383.480
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	210.699.891.476	86.273.112.141
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		14.080.823	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	58.088.016.490	118.240.495.621

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2021

Người lập

Nguyễn Thị Thảo Vân

Kế toán trưởng

Phạm Việt Thắng

Tổng Giám đốc



Cao Trường Thọ

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần tiền thân là Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1, được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 997/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2438/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước được đăng ký lại lần thứ nhất của Tổng Công ty số 4106000303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/9/2006.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp theo Quyết định số 614/QĐ-BXD ngày 10/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Tổng Công ty được phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1874/QĐ-TTg ngày 03/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số 0300402493 ngày 01/10/2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300402493 thay đổi lần thứ 11 ngày 21/5/2021 là 1.270.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một nghìn hai trăm bảy mươi tỷ đồng*).

Cổ phiếu của Tổng Công ty được giao dịch trên Hệ thống giao dịch UpCOM với mã chứng khoán là FIC.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2021 là 56 người (tại ngày 31/12/2020 là 58 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Kinh doanh dịch vụ bất động sản: môi giới bất động sản, định giá bất động sản, sàn giao dịch bất động sản, tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản);
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe (Sản xuất phụ tùng, thiết bị xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phụ vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Kinh doanh, xuất nhập khẩu phụ tùng, thiết bị, xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Kinh doanh, xuất nhập khẩu xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng).

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)**

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Khai khoáng khác (Khai thác và chế biến khoáng chất, nguyên liệu và chất phụ gia phục vụ ngành xây dựng);
- Xây dựng nhà các loại (Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Thiết kế xây dựng công trình dân dụng công nghiệp, thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị);
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng; Tư vấn đầu tư sản xuất nguyên liệu, vật liệu xây dựng; Đo đạc bản đồ);
- Hoạt động tư vấn quản lý ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nguyên liệu, vật liệu xây dựng);
- Giáo dục nghề nghiệp (Tổ chức đào tạo nhân lực);
- Kinh doanh bến cảng, cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng, kho bãi);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Kinh doanh khách sạn – không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Nhà hàng-Không hoạt động tại trụ sở); Hoạt động của các cơ sở thể thao (Hoạt động câu lạc bộ thể dục thẩm mỹ);
- Sản xuất khác (Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng – không sản xuất tại trụ sở);
- Sản xuất máy chuyên dụng khác (Sản xuất xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng - Không sản xuất tại trụ sở);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không sản xuất tại trụ sở); Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Xử lý nền móng và hạ tầng, nền đất yếu);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan (Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, diesel nhiên liệu, dầu nhiên liệu).

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, Kinh doanh bất động sản.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

**1.4 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Từ đầu năm 2021, đại dịch COVID-19 có những ảnh hưởng gần như toàn bộ tới nền kinh tế Việt Nam. So với cùng kỳ năm trước thì doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2021 của Tổng Công ty giảm. Trong bối cảnh hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu nhiều tác động do dịch COVID-19, Chính phủ đã và đang có nhiều chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, do chưa thuộc đối tượng được hỗ trợ theo chính sách của Chính phủ nên Tổng Công ty chưa nhận được các khoản hỗ trợ liên quan.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1.5 Cấu trúc Tổng Công ty**

Tại ngày 30/6/2021, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên kết và các đơn vị trực thuộc như sau:

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Công ty con</b>					
1	Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh các thương hiệu sản phẩm FiCO	100,00%	100,00%
2	Công ty CP Phước Hòa FiCO	Km50 - QL51 - phường Tân Phước - thị xã Phú Mỹ - tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Sản xuất kinh doanh đá xây dựng	73,87%	73,87%
3	Công ty CP Cơ khí Xây dựng Tân Định FiCO	Đường 2B, KCN Đồng An, xã Bình Hòa, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương	Gia công cơ khí; buôn bán vật liệu	64,24%	64,24%
4	Công ty CP gạch men Thanh Thanh	KCN Biên Hòa 1, Đường 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh gạch	51,44%	51,44%
5	Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Xã Cam Hải Tây, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh cát	100,00%	100,00%
6	Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, Số 111A Pasteur, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật liệu xây dựng	100,00%	100,00%
7	Công ty CP Gạch Đông Nam Á	Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 17, Khu phố 9, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương	Sản xuất và kinh doanh gạch	51,00%	51,00%
<b>Công ty liên kết</b>					
1	Công ty CP xi măng FiCO Tây Ninh	Tầng 26, E. Town Central, 11 Đoàn Văn Bơ, phường 12, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất xi măng	25,84%	25,84%
2	Công ty CP Hóa An	Ấp Cầu Hang, Xã Hóa An, Tp. Biên Hoà, Đồng Nai	Khai thác và chế biến khoáng sản, VLXD	24,86%	24,86%
3	Công ty CP Vitaly	Đường N1, Khu SXTT Bình Chuẩn, P. Bình Chuẩn, Tp. Thuận An, tỉnh Bình Dương	Sản xuất mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh nhà ở	30,75%	30,75%
4	Công ty CP Havali - FiCO	Số 65, đường số 3, Cư xá Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất thủy tinh, sản phẩm từ thủy tinh	20,00%	20,00%
5	Công ty TNHH Xây dựng FiCO -Corea	Tầng 6 Tòa Nhà Green Country, số 1, đường 81, phường Tân Quy, quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	Cung cấp dịch vụ kỹ thuật xử lý nền đất yếu	49,50%	49,50%
6	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Số 01 Bạch Đằng, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	29,00%	29,00%

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**1.5 Cấu trúc Tổng Công ty (Tiếp theo)**

Stt	Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
7	Công ty CP Khoáng sản FiCO Bình Phước	Số 408 đường Nguyễn Huệ, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	30,00%	30,00%
8	Công ty CP FiCO Công nghệ Cao	Số 45 Hoa Mai, phường 2, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất gạch, bê tông thương phẩm	45,00%	45,00%
9	Công ty CP Bê tông FiCO Pan - United	Số 60 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Sản xuất bê tông thương phẩm	45,00%	45,00%

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30/6/2021 gồm:

Stt	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Xí nghiệp khai thác đá Thống Nhất	Áp 3, xã Sông Trà, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
2	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Chi nhánh FiCO Hà Nội	Số 56, phố Nguyễn Du, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội
3	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Công ty Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Tầng 15, Tòa nhà Sailing Tower - 111A Pasteur, Quận 1, TP.HCM
4	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Chi nhánh FiCO Đồng Nai	Số 5, đường 16 A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, phường An Bình, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
5	Chi nhánh Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP - Chi nhánh FiCO Bình Dương	Lô F, đường số 2B, KCN Đồng An, TX Thuận An, tỉnh Bình Dương

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/6/2021.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ**

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Văn phòng Tổng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Tổng Công ty.

**Quyết toán cổ phần hóa**

Tổng Công ty đã thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để hoàn tất và trình Hồ sơ quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần cho Bộ Xây dựng. Đến ngày phát hành báo cáo này, Tổng Công ty vẫn chưa nhận được Quyết định phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ: Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào ngoại tệ của các ngân hàng Tổng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2021.
- Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng Tổng Công ty giao dịch tại ngày 30/6/2021.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào Tài khoản số 413 - Chênh lệch tỷ giá, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác**

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

D:  
C  
1  
KIẾ  
A  
/

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

***Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác (Tiếp theo)***

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

***Các khoản đầu tư khác:*** Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

***Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư***

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2013. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kể từ ngày 01/10/2016 (Tổng Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần), giá trị khấu hao của tài sản cố định trong kỳ được tính bằng giá trị còn lại của tài sản tại ngày 01/10/2016 chia cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc thiết bị	06 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Các tài sản khác	08 - 20

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là quyền sử dụng đất, khoan tham dò trữ lượng mỏ đã được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2013. Theo đó, nguyên giá tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tổng Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không có thời hạn.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Bất động sản đầu tư đã được đánh giá lại theo phương pháp tài sản để xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2013. Theo đó, nguyên giá bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá đánh giá lại theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, thời gian khấu hao từ 02 năm đến 27 năm.

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)**

***Tổng Công ty là bên góp vốn***

Các khoản vốn bằng tiền và tài sản góp vào BCC được ghi nhận như một khoản công nợ phải thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ghi nhận doanh thu, chi phí theo BCC: Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 137/FICO-HD ngày 27/11/2020 với Công ty CP Xây dựng và Thương mại Nam Trường An (bên liên doanh) về việc hoạt động kinh doanh (không thành lập pháp nhân mới) khai thác, chế biến đá xây dựng tại mỏ đá Sông Trầu tại Ấp 3, xã Sông Trầu, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Tài sản góp vốn là quyền khai thác mỏ đá Sông Trầu và tài sản cố định. Phân chia lợi nhuận cố định hàng năm với số tiền là 450.000.000 VND/năm. Việc quản lý, tổ chức kế toán và nghĩa vụ tài chính được thực hiện bởi Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Nam Trường An.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước (Tiếp theo)**

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phân diện tích Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước hàng năm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

*Tiền thuê văn phòng trả trước*

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê đã trả cho phân diện tích Tổng Công ty đang sử dụng. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (36 năm).

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay**

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Tổng Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Phí cấp quyền khai thác khoáng sản: trích trước theo trữ lượng khai thác và đơn giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.
- Chi phí quản lý bất động sản: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và khoản doanh thu chưa thực hiện khác như lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chưa thực hiện vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản và thời gian hợp tác kinh doanh.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng, và doanh thu cung cấp dịch vụ,...

**Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm:**

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm vật liệu xây dựng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

*Doanh thu cung cấp dịch vụ:*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

*Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:*

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại: Là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Tổng Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: Ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

DN  
C  
T  
KIẾ  
:PA  
31

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm và lỗ tỷ giá hối đoái.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh sản phẩm vật liệu xây dựng và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	14.071.029	334.348.133
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.273.945.461	206.265.543.343
Các khoản tương đương tiền (i)	12.800.000.000	4.100.000.000
<b>Tổng</b>	<b>58.088.016.490</b>	<b>210.699.891.476</b>

(i) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP với lãi suất từ 4,75%/năm đến 5,2%/năm.

**5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	-	16.820.000.000	16.820.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	16.820.000.000	16.820.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Trái phiếu (i)	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>21.820.000.000</b>	<b>21.820.000.000</b>

(i) Trái phiếu được phát hành bởi Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam ngày 24/9/2019; số lượng: 5.000 trái phiếu; mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu; giá mua: 1.000.000 VND/trái phiếu; kỳ hạn: 7 năm; lãi suất thả nổi (lãi suất có điều chỉnh định kỳ).

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	39.167.532.431	44.367.532.431
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	36.132.780.295	111.446.546.985
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FICO	36.297.458.738	57.726.817.091
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định FiCO	17.338.653.956	17.338.653.956
Công ty TNHH Xây Lắp Thương Mại Hoàng Dũng	15.862.179.158	15.862.179.158
Công ty TNHH Dịch Vụ Thương Mại Sản Xuất Xây Dựng Đông Mê Kông (QL20)	14.248.147.377	14.248.147.377
Các đối tượng khác	76.809.158.723	94.981.197.851
<b>Tổng</b>	<b>235.855.910.678</b>	<b>355.971.074.849</b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>130.050.559.921</b>	<b>246.217.625.872</b>
<i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	171.169.479.866	149.426.968.245
Các đối tượng khác	4.266.587.214	5.350.347.587
<b>Tổng</b>	<b>175.436.067.080</b>	<b>154.777.315.832</b>
<i>Trong đó:</i>		
<b>Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b> <i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>	<b>173.197.456.516</b>	<b>151.454.944.896</b>

**5.5 Phải thu khác**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	189.366.282.279	20.925.821.742	143.004.697.450	20.925.821.742
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	97.643.836	-	241.608.877	-
Tạm ứng	2.850.527.627	-	3.158.454.471	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.128.852.892	-	21.880.515.690	-
Chiết khấu được hưởng	-	-	705.803.709	-
Phải thu về vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vitaly	20.579.214.440	-	20.579.214.440	-
Phải thu khác của Công ty Cổ phần Vitaly	4.852.757.195	-	4.852.757.195	-
Phải thu Công ty Cổ phần Trường An	1.846.506.273	1.846.506.273	1.846.506.273	1.846.506.273
Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia	89.562.910.552	-	29.017.147.992	-
+ Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	11.710.794.592	-	11.393.794.592	-
+ Công ty Cổ phần Dầu Tư Và Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng FiCO	1.830.040.000	-	1.830.040.000	-
+ Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	11.034.224.460	-	6.647.997.000	-
+ Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm FiCO	-	-	5.478.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	-	-	3.667.316.400	-
+ Công ty Cổ phần Xi Măng FiCO Tây Ninh	64.987.851.500	-	-	-



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**Mẫu số B 09a - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA TỔNG HỢP NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	15.528.002.872	-	15.528.002.872	-
+ Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	15.528.002.872	-	15.528.002.872	-
Công ty Cổ phần Havali FiCO	5.462.296.435	5.462.296.435	5.462.296.435	5.462.296.435
Phải thu tiền hỗ trợ kinh phí đền bù Dự án khu phố 4,5,6 P.Đ Q.I	5.118.888.000	5.118.888.000	5.118.888.000	5.118.888.000
Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long	8.210.292.645	8.210.292.645	8.210.292.645	8.210.292.645
Phải thu lãi Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	7.923.054.795	-	7.923.054.795	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO CN Đà Nẵng	2.766.169.503	-	2.766.169.503	-
Phải thu khác tại Bộ phận kinh doanh	1.107.095.397	287.838.389	1.285.295.576	287.838.389
Công ty Cổ phần Đầu tư FiCO	12.959.209.693	-	12.959.209.693	-
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	1.265.571.329	-	1.003.803.709	-
Phải thu khác	107.288.795	-	465.675.575	-
<b>h) Dài hạn</b>	<b>23.663.536.858</b>	-	<b>23.876.642.720</b>	-
Ký cược, ký quỹ dài hạn	728.135.913	-	941.241.775	-
Phải thu Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	22.935.400.945	-	22.935.400.945	-
<b>Tổng</b>	<b>213.029.819.137</b>	<b>20.925.821.742</b>	<b>166.881.340.170</b>	<b>20.925.821.742</b>
<b>Trong đó:</b>				
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>190.805.375.968</b>		<b>142.192.195.772</b>	
(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)				

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.6 Nợ xấu**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>112.185.356.050</b>	<b>25.331.365.341</b>	<b>112.918.420.151</b>	<b>25.331.365.341</b>
Công ty TNHH Xây Lắp Thương Mại Hoàng Dũng	15.862.179.158	-	15.862.179.158	-
Công ty Cổ phần HAVALI FiCO	5.184.348.069	-	5.184.348.069	-
Phải thu tiền hỗ trợ kinh phí đền bù Dự án khu phố 4,5,6 P.Đ Q.I	5.118.888.000	-	5.118.888.000	-
Công ty TNHH MTV Xây Dựng 472	1.471.136.751	-	1.471.136.751	-
Công ty TNHH Thanh Cao	1.239.144.321	-	1.239.144.321	-
Công ty Cổ phần Hà Tiên Phong	1.594.435.202	-	1.594.435.202	-
Chi nhánh Công ty TNHH Tâm Lan	1.682.214.996	-	1.682.214.996	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hạ Tầng Thiên Ân (Tp. Hà Nội)	2.225.822.262	-	2.225.822.262	-
Công ty TNHH Thương Mại Thép Thiên Á	1.629.637.250	-	1.629.637.250	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Vận tải Thương mại Dịch vụ Trần Song Anh	1.426.427.860	-	1.426.427.860	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Constrexim	1.066.484.649	-	1.066.484.649	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Macrocoz	1.511.999.999	-	1.511.999.999	-
Công ty TNHH Xây Dựng Number One	1.454.144.516	-	1.454.144.516	-
Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long	8.210.292.645	-	8.210.292.645	-
Các đối tượng khác	62.508.200.372	25.331.365.341	63.241.264.473	25.331.365.341
<b>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</b>	<b>86.853.990.709</b>		<b>87.587.054.810</b>	

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)**

Trong đó:

Thời gian quá hạn	Từ 6 tháng	Từ 1 năm	Từ 2 năm	Trên 3 năm
	đến dưới 1 năm	đến dưới 2 năm	đến dưới 3 năm	
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây Lắp Thương Mại Hoàng Dũng	-	-	-	15.862.179.158
Công ty Cổ phần HAVALI FICO	-	-	-	5.184.348.069
Phải thu tiền hỗ trợ kinh phí đền bù Dự án khu phố 4,5,6 P.Đ Q.I	-	-	-	5.118.888.000
Công ty TNHH MTV Xây Dựng 472	-	-	-	1.471.136.751
Công ty TNHH Thanh Cao	-	-	-	1.239.144.321
Công ty Cổ phần Hà Tiên Phong	-	-	-	1.594.435.202
Chi nhánh Công ty TNHH Tâm Lan	-	-	-	1.682.214.996
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hạ Tầng Thiên Ân (Tp. Hà Nội)	-	-	-	2.225.822.262
Công ty TNHH Thương Mại Thép Thiên Á	-	-	-	1.629.637.250
Công ty TNHH MTV Xây dựng Vận tải Thương mại Dịch vụ Trần Song Anh	-	-	-	1.426.427.860
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng Constrexim	-	-	-	1.066.484.649
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Macrocoz	-	-	-	1.511.999.999
Công ty TNHH Xây Dựng Number One	-	-	-	1.454.144.516
Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long	-	-	-	8.210.292.645
Các đối tượng khác	-	2.162.840.226	7.417.581.104	52.927.779.042
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>2.162.840.226</b>	<b>7.417.581.104</b>	<b>102.604.934.720</b>

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.7 Tài sản thiếu chờ xử lý**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tài sản thiếu sau kiểm kê của Nhà máy rượu SP		2.090.384.122		2.090.384.122
<b>Tổng</b>		<b>2.090.384.122</b>		<b>2.090.384.122</b>

**5.8 Hàng tồn kho**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi đường	-	-	36.250.010.684	-
Hàng hóa	10.346.095.521	(29.708.754)	42.299.970.019	(29.708.754)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	220.600.470.609	-	220.523.701.465	-
Hàng hóa bất động sản	19.962.563.400	-	19.962.563.400	-
<b>Tổng</b>	<b>250.909.129.530</b>	<b>(29.708.754)</b>	<b>319.036.245.568</b>	<b>(29.708.754)</b>

(i) Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Dự án Tân Vạn - Nhơn Trạch (BOT) (1)	2.352.954.098	-	2.352.954.098	-
Dự án FiCO Star (2)	218.247.516.511	-	218.170.747.367	-
<b>Tổng</b>	<b>220.600.470.609</b>	<b>-</b>	<b>220.523.701.465</b>	<b>-</b>

**(1) Thông tin liên quan đến dự án đầu tư tại ngày 30/6/2021:**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng đoạn đường Tân Vạn - Nhơn Trạch giai đoạn 1 thuộc đường Vàng dài 3, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chủ đầu tư: Bộ Giao thông Vận tải;
- Đại diện chủ đầu tư: Tổng Công ty Đầu tư Phát triển và Quản lý Dự án Hạ tầng Giao thông Cửu Long (Tổng Công ty Cửu Long);
- Hình thức: Liên doanh theo hình thức hợp đồng BOT;
- Tổng mức đầu tư: 5.329,56 tỷ VND;
- Thời gian thực hiện dự án dự kiến: Từ năm 2016 đến năm 2019;
- Tiến độ thực hiện của dự án: Các bên liên doanh nhất trí thỏa thuận cho Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 -CTCP đại diện liên doanh để thực hiện. Đại diện chủ đầu tư đã trình hồ sơ lên Thủ tướng Chính Phủ.



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1  
- CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.8 Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

**(2) Thông tin liên quan đến dự án đầu tư tại ngày 30/6/2021:**

- Tên dự án: Nhà ở chung cư kết hợp thương mại - dịch vụ, trường mầm non và nhà liên kế có sân vườn tại khu đất số 2/34 đường Phan Huy Ích, phường 15, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Vật liệu xây dựng Số 1- Công ty Cổ phần (FICO);
- Tổng mức đầu tư: 744,2 tỷ VND;
- Thời gian thực hiện dự án dự kiến: 03 năm (kể từ thời điểm được chấp nhận đầu tư, năm 2016);
- Tiến độ thực hiện của dự án: Dự án đã bước vào giai đoạn đầu tư xây dựng, hoàn thành hạng mục cơ sở hạ tầng, ký kết, thực hiện Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng đất nền Khu liên kế, thu nhận tiền đặt cọc của khách hàng.

**5.9 Chi phí trả trước**

	<u>30/6/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>650.363.141</b>	<b>513.822.363</b>
Chi phí tiền thuê đất	162.046.121	-
Chi phí bê tông đầm lăn	401.917.020	401.917.020
Chi phí khác chờ phân bổ	86.400.000	111.905.343
<b>b) Dài hạn</b>	<b>47.078.969.065</b>	<b>48.054.235.192</b>
Chi phí thuê văn phòng tại tòa nhà Sailing Tower	45.783.531.991	46.717.889.785
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.295.437.074	1.336.345.407
<b>Tổng</b>	<b><u>47.729.332.206</u></b>	<b><u>48.568.057.555</u></b>

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.10 Tài sản cố định hữu hình**Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2021	30.715.853.218	3.268.981.238	19.783.237.385	793.519.344	54.561.591.185
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	1.721.182.238	318.410.000	70.850.500	2.110.442.738
Thanh lý nhượng bán	-	1.721.182.238	318.410.000	70.850.500	2.110.442.738
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	<b>30.715.853.218</b>	<b>1.547.799.000</b>	<b>19.464.827.385</b>	<b>722.668.844</b>	<b>52.451.148.447</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại ngày 01/01/2021	28.524.777.734	3.100.015.471	17.241.569.077	724.797.251	49.591.159.533
Tăng trong kỳ	400.829.296	1.979.167	727.943.995	10.504.470	1.141.256.928
Khấu hao trong kỳ	400.829.296	1.979.167	727.943.995	10.504.470	1.141.256.928
Giảm trong kỳ	-	1.707.837.644	318.410.000	70.850.500	2.097.098.144
Thanh lý nhượng bán	-	1.707.837.644	318.410.000	70.850.500	2.097.098.144
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	<b>28.925.607.030</b>	<b>1.394.156.994</b>	<b>17.651.103.072</b>	<b>664.451.221</b>	<b>48.635.318.317</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 01/01/2021	2.191.075.484	168.965.767	2.541.668.308	68.722.093	4.970.431.652
Tại ngày 30/6/2021	1.790.246.188	153.642.006	1.813.724.313	58.217.623	3.815.830.130

Trong đó:

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 18.856.066.605 VND (tại ngày 01/01/2021 là 18.035.758.035 VND).



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.11 Tài sản cố định vô hình**

*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất	Khoan thăm dò trữ lượng	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2021	5.843.824.787	314.527.831	6.158.352.618
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	<b>5.843.824.787</b>	<b>314.527.831</b>	<b>6.158.352.618</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại ngày 01/01/2021	5.022.751.363	314.527.831	5.337.279.194
Tăng trong kỳ	146.095.620	-	146.095.620
Khấu hao trong kỳ	146.095.620	-	146.095.620
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư tại ngày 30/6/2021</b>	<b>5.168.846.983</b>	<b>314.527.831</b>	<b>5.483.374.814</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2021	821.073.424	-	821.073.424
Tại ngày 30/6/2021	674.977.804	-	674.977.804

*Trong đó:*

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2021 là 314.527.831 VND (tại ngày 01/01/2021 là 314.527.831 VND).

**5.12 Bất động sản đầu tư**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2021
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
Nguyên giá	31.597.726.547	-	-	31.597.726.547
Sàn Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hảo Hớn	5.546.280.685	-	-	5.546.280.685
Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô	1.748.530.392	-	-	1.748.530.392
Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô	1.067.851.400	-	-	1.067.851.400
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô	10.832.417.430	-	-	10.832.417.430
Khu văn phòng thương mại dịch vụ Chung cư Horizon	3.247.061.227	-	-	3.247.061.227
Nhà máy Cán Kéo	6.424.310.413	-	-	6.424.310.413
Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo	2.731.275.000	-	-	2.731.275.000

07/6  
T  
H  
OÁ  
TNA  
31

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.12 Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2021
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>14.824.507.324</b>	<b>822.762.498</b>	-	<b>15.647.269.822</b>
Sàn Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hảo Hớn	1.663.884.216	277.314.036	-	1.941.198.252
Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô	702.493.168	37.688.580	-	740.181.748
Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô	431.549.543	23.197.458	-	454.747.001
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô	4.750.119.313	216.648.348	-	4.966.767.661
Khu văn phòng thương mại dịch vụ Chung cư Horizon	1.102.320.508	64.822.830	-	1.167.143.338
Nhà máy Cán Kéo	5.311.632.648	167.153.418	-	5.478.786.066
Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo	862.507.928	35.937.828	-	898.445.756
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>16.773.219.223</b>	-	<b>822.762.498</b>	<b>15.950.456.725</b>
Sàn Thương mại dịch vụ - Chung cư 17 Hồ Hảo Hớn	3.882.396.469	-	277.314.036	3.605.082.433
Văn phòng làm việc tại Chung cư Vạn Đô	1.046.037.224	-	37.688.580	1.008.348.644
Sàn giao dịch Bất động sản tại Chung cư Vạn Đô	636.301.857	-	23.197.458	613.104.399
Khu văn phòng thương mại dịch vụ tại Chung cư Vạn Đô	6.082.298.117	-	216.648.348	5.865.649.769
Khu văn phòng thương mại dịch vụ Chung cư Horizon	2.144.740.719	-	64.822.830	2.079.917.889
Nhà máy Cán Kéo	1.112.677.765	-	167.153.418	945.524.347
Tiền thuê đất Nhà máy Cán Kéo	1.868.767.072	-	35.937.828	1.832.829.244

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là nhà văn phòng và một số công trình khác tại số 17 Hồ Hảo Hớn, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; số 348 Bến Vân Đồn, phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh; số 214 Trần Quang Khải, phường Tân Định, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và Lô F, đường số 2B, KCN Đồng An, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ với số tiền lần lượt là 2.571.862.854 VND và 545.448.462 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 cần được trình bày. Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2021 bao gồm bất động sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê với giá trị là 1.018.983.726 VND (tại ngày 31/12/2020: 1.018.983.726 VND).

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/6/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí dự án nhà máy Silica	2.296.740.546	1.690.623.202
Dự án triển khai sử dụng hệ thống quản lý doanh nghiệp Fast Business Online	196.238.000	240.312.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	269.529.091	269.529.091
<b>Tổng</b>	<b>2.762.507.637</b>	<b>2.200.464.293</b>



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.14 Đầu tư tài chính dài hạn**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	biểu quyết (%)	Giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa	Dự phòng hợp lý (1)	Giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa	Dự phòng hợp lý (1)
<b>Đầu tư vào công ty con</b>			<b>264.701.827.219</b>	<b>35.883.000.000</b>	<b>257.733.646.870</b>	<b>35.883.000.000</b>
Công ty TNHH Một thành viên Kinh doanh Sản phẩm FiCO (2)	100,00%	100,00%	36.968.180.349	-	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO (3)	73,87%	73,87%	28.604.575.510	-	28.604.575.510	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định FiCO	64,24%	64,24%	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thành	51,44%	51,44%	66.579.071.360	-	66.579.071.360	-
Công ty TNHH Một thành viên Cát Cam Ranh FiCO	100,00%	100,00%	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	100,00%	100,00%	100.000.000.000	33.333.000.000	100.000.000.000	33.333.000.000
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	51,00%	51,00%	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>			<b>779.714.724.865</b>	-	<b>779.714.724.865</b>	-
Công ty Cổ phần Xi Măng FiCO Tây Ninh	25,84%	25,84%	536.779.257.818	-	536.779.257.818	-
Công ty Cổ phần Hoá An	24,86%	24,86%	140.937.862.500	-	140.937.862.500	-
Công ty Cổ phần Vitaly	30,75%	30,75%	17.956.086.720	-	17.956.086.720	-
Công ty Cổ phần Havali FiCO	20,00%	20,00%	-	-	-	-
Công ty TNHH Xây dựng FiCO Corea	49,50%	49,50%	-	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	29,00%	29,00%	21.512.337.231	-	21.512.337.231	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Bình Phước (4)	30,00%	30,00%	4.876.518.608	-	4.876.518.608	-
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ Cao	45,00%	45,00%	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Bé tông FiCO Pan United	45,00%	45,00%	57.652.661.988	-	57.652.661.988	-

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.14 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

Đối tượng đầu tư	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)		
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Giá trị đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa	Dự phòng hợp lý (1)	Giá trị hợp lý (1)
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>			<b>75.916.921.807</b>	<b>1.977.308.587</b>	<b>1.977.308.587</b>
Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Gạch Sài Gòn			293.330.739	-	-
Công ty Cổ phần Bao Bì và Khoáng sản số 1	10,00%	10,00%	1.041.450.787	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	5,59%	5,59%	2.300.016.674	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư FICO	13,16%	13,16%	26.325.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Tây Ninh	4,03%	4,03%	4.096.610.711	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng			3.093.151.670	1.977.308.587	1.977.308.587
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (5)	0,194%	0,194%	2.444	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu Xây dựng FiCO (BMT)	16,05%	16,05%	7.298.882.365	-	-
Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long	8,88%	8,88%	31.468.476.417	-	-
<b>Tổng</b>			<b>1.120.333.473.891</b>	<b>37.860.308.587</b>	<b>37.860.308.587</b>

(1) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

(2) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29/NQ-HĐQT ngày 06/4/2021 của Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng Số 1- Công ty Cổ phần về việc phê duyệt cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO giữ lại lợi nhuận năm 2020 với tổng số tiền là 6.968.180.349 VND để tăng vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2021, vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO là 36.968.180.349 VND, tỷ lệ sở hữu 100%.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.14 Đầu tư tài chính dài hạn (Tiếp theo)**

- (3) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2021/NQ.ĐHCĐ ngày 29/4/2021 về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ VND lên 60 tỷ VND từ nguồn quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận giữ lại. Giá trị cổ phiếu phát hành theo tỷ lệ 1/1 (mỗi cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận 1 cổ phiếu mới). Tại ngày 30/6/2021, tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO không thay đổi là 73,87% tương ứng với 4.432.200 cổ phiếu với tổng giá trị vốn góp theo mệnh giá là 44.322.000.000 VND.
- (4) Trong kỳ, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 23/2/2021 về việc phê duyệt chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Bình Phước và Nghị quyết số 52/NQ-HĐQT ngày 10/5/2021 về việc thay đổi phương án thoái vốn. Số lượng cổ phần thoái: 534.000 cổ phần, giá khởi điểm: không thấp hơn giá trị sổ sách và giá trị thẩm định giá, hình thức thoái vốn: chào bán cạnh tranh dưới 100 nhà đầu tư, phương thức thực hiện: thuê đơn vị tổ chức bán đấu giá theo quy định, dự kiến thời gian hoàn tất thoái vốn: quý 4 năm 2021. Đến ngày phát hành báo cáo này, công việc thoái vốn của Tổng Công ty vẫn chưa hoàn tất.
- (5) Trong kỳ, Tổng Công ty chuyển nhượng 603.000 cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành. Tỷ lệ sở hữu còn lại là 0% (với 27 cổ phiếu lẻ).

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	16.079.482.257	16.079.482.257	37.240.683.055	37.240.683.055
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	15.029.574.076	15.029.574.076	129.178.715	129.178.715
Công ty CP Vitaly	5.297.800.750	5.297.800.750	24.142.338.562	24.142.338.562
Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất	-	-	39.802.085.730	39.802.085.730
Công ty TNHH Thương mại Trung Tín H.B	-	-	5.019.580.370	5.019.580.370
Các đối tượng khác	18.188.041.748	18.188.041.748	41.995.568.253	41.995.568.253
<b>Tổng</b>	<b>54.594.898.831</b>	<b>54.594.898.831</b>	<b>148.329.434.685</b>	<b>148.329.434.685</b>

**Trong đó:**

Phải trả người bán là các bên liên quan	38.458.137.083	38.458.137.083	65.304.076.552	65.304.076.552
---	----------------	----------------	----------------	----------------

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	30/6/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH KD và dịch vụ Sông Ngọc	97.234.945.500	97.234.945.500	97.234.945.500	97.234.945.500
Các đối tượng khác	2.512.517.548	2.512.517.548	420.889.193	420.889.193
<b>Tổng</b>	<b>99.747.463.048</b>	<b>99.747.463.048</b>	<b>97.655.834.693</b>	<b>97.655.834.693</b>

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Chi phí quyền khai thác khoáng sản	100.297.000	100.297.000
Chi phí lãi vay	-	798.074.870
Chi phí tổ chức tiệc tất niên	-	1.000.000.000
Chi phí khác	245.000.000	449.445.772
<b>Tổng</b>	<b>345.297.000</b>	<b>2.347.817.642</b>

*Trong đó:*

**Chi phí phải trả là các bên liên quan**

(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)

245.000.000

-

**5.18 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước**

	Đơn vị tính: VND			
	01/01/2021	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2021
<b>Phải nộp</b>	<b>508.950.860</b>	<b>15.578.068.159</b>	<b>15.234.599.624</b>	<b>852.419.395</b>
Thuế GTGT	-	12.601.378.638	12.459.189.965	142.188.673
Thuế thu nhập doanh nghiệp	430.116.860	60.556.404	60.556.404	430.116.860
Thuế thu nhập cá nhân	78.834.000	903.551.600	952.037.100	30.348.500
Thuế nhà đất tiền thuê đất	-	1.616.978.638	1.616.978.638	-
Các loại thuế khác	-	138.837.517	138.837.517	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	256.765.362	7.000.000	249.765.362
<b>Phải thu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>310.321.766</b>	<b>310.321.766</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa do điều chỉnh giảm LNST năm 2016	-	-	310.321.766	310.321.766

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.19 Phải trả khác**

	<u>30/6/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>2.149.378.899</b>	<b>2.876.148.123</b>
Kinh phí công đoàn	120.890.160	-
Các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc	5.560.771	5.560.771
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	165.000.000
Cổ tức phải trả các cổ đông	14.154.762	20.876.012
Công ty CP BT 20 Cửu Long (DẠ QL20)	809.665.911	809.665.911
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO Đà Nẵng	395.000.000	395.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh Doanh Sản Phẩm FiCO	211.951.335	705.803.709
Các khoản khác	592.155.960	774.241.720
<b>b) Dài hạn</b>	<b>57.995.584.932</b>	<b>57.995.584.932</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.945.000.000	2.945.000.000
Phải trả về dự án FiCO Tower - Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt (i)	55.050.584.932	55.050.584.932
<b>Tổng</b>	<b><u>60.144.963.831</u></b>	<b><u>60.871.733.055</u></b>
<b>Trong đó:</b>		
<b>Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>56.467.202.178</b>	<b>56.961.054.552</b>
<i>(Xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)</i>		

(i) Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt về dự án FiCO Tower tại số 927 đường Trần Hưng Đạo, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng Công ty sẽ thực hiện tất toán sau khi quyết toán dự án hoàn thành.



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.20 Vay ngắn hạn**

	30/06/2021 (VND)		Trong kỳ (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>407.868.653.822</b>	<b>407.868.653.822</b>	<b>633.789.497.241</b>	<b>901.192.607.915</b>	<b>675.271.764.496</b>	<b>675.271.764.496</b>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh (1)	370.663.274.289	370.663.274.289	554.047.147.645	743.928.916.829	560.545.043.473	560.545.043.473
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	6.172.971.839	6.172.971.839	8.509.941.902	24.238.745.380	21.901.775.317	21.901.775.317
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành	-	-	20.000.000.000	72.854.694.930	52.854.694.930	52.854.694.930
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương (3)	28.800.000.000	28.800.000.000	49.000.000.000	20.200.000.000	-	-
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 5 (4)	2.232.407.694	2.232.407.694	2.232.407.694	39.970.250.776	39.970.250.776	39.970.250.776
<b>Tổng</b>	<b>407.868.653.822</b>	<b>407.868.653.822</b>	<b>633.789.497.241</b>	<b>901.192.607.915</b>	<b>675.271.764.496</b>	<b>675.271.764.496</b>

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.20 Vay ngắn hạn (Tiếp theo)**

(1) *Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số số 11/2020/77158/HĐTD ngày 30/11/2020 với các thông tin chi tiết như sau:*

- Hạn mức vay: 820.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức vay: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C và bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất vay: áp dụng theo từng hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 49/2013/77158 ngày 30/08/2013 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 49/2013/77158-PL1 ngày 24/3/2017; Hợp đồng thế chấp tài sản số 52/2015/77158/HĐTC ngày 02/11/2015 và văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp số 52/2015/77158/HĐTC-PL1 ngày 24/3/2017; Hợp đồng thế chấp 01/2020/77158/HĐBĐ ngày 18/5/2020; Hợp đồng thế chấp số 03/2020/77158/HĐBĐ ngày 18/5/2020 và hợp đồng thế chấp 04/2020/77158/HĐBĐ ngày 18/5/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần;
- Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 370.663.274.289 VND.

(2) *Vay Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 181013 ngày 11/6/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung với các thông tin chi tiết như sau:*

- Hạn mức vay: 1.500.000 USD;
- Thời hạn cấp hạn mức vay: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/8/2021. Thời hạn vay theo từng khế ước không vượt quá 150 ngày kể từ ngày giải ngân;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất vay: áp dụng theo từng khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;
- Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 6.172.971.839 VND.

(3) *Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Bình Dương theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 59/2019/HDTD/TTKHDNL MN2/01 ngày 06/12/2019, Văn bản sửa đổi bổ sung số 59/2019/HDTD/TTKHDNL MN2/01/SDBS/03 ngày 07/12/2020 với các thông tin chi tiết như sau:*

- Hạn mức vay: 200.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức vay: Từ 06/12/2019 đến ngày 31/01/2021. Thời hạn tối đa cho từng khế ước là không quá 06 tháng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất vay: áp dụng theo từng khế ước nhận nợ;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;
- Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 28.800.000.000 VND.

(4) *Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh 5 theo Hợp đồng tín dụng số 6222-LAV-20200612 ngày 25/9/2020 với các thông tin chi tiết như sau:*

- Hạn mức vay: 40.000.000.000 VND;
- Thời hạn cấp hạn mức vay: từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 25/09/2021. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ theo từng Giấy nhận nợ cụ thể;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và phát hành cam kết bảo lãnh;
- Lãi suất vay: Lãi suất biến đổi, lãi suất cho vay được xác định trên từng giấy nhận nợ. Mức lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 6,8%/năm (năm 365 ngày);
- Hình thức đảm bảo tiền vay: cấp tín dụng không có tài sản bảo đảm;
- Số dư nợ gốc vay tại ngày 30/6/2021: 2.232.407.694 VND.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.21 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2020	1.270.000.000.000	6.087.938.381	37.553.347.069	1.313.641.285.450
<b>Tăng trong năm</b>	-	<b>1.776.617.193</b>	<b>25.387.458.135</b>	<b>27.164.075.328</b>
Lãi trong năm	-	-	25.387.458.135	25.387.458.135
Phân phối lợi nhuận	-	1.776.617.193	-	1.776.617.193
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	<b>37.079.851.578</b>	<b>37.079.851.578</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.776.617.193	1.776.617.193
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	3.553.234.385	3.553.234.385
Chia cổ tức năm 2019	-	-	31.750.000.000	31.750.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2020</b>	<b>1.270.000.000.000</b>	<b>7.864.555.574</b>	<b>25.860.953.626</b>	<b>1.303.725.509.200</b>
Số dư tại 01/01/2021	1.270.000.000.000	7.864.555.574	25.860.953.626	1.303.725.509.200
<b>Tăng trong kỳ</b>	-	<b>1.269.372.907</b>	<b>79.015.157.505</b>	<b>80.284.530.412</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	79.015.157.505	79.015.157.505
Phân phối quỹ trong kỳ	-	1.269.372.907	-	1.269.372.907
<b>Giảm trong kỳ</b>	-	-	<b>1.269.372.907</b>	<b>1.269.372.907</b>
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	1.269.372.907	1.269.372.907
<b>Số dư tại 30/6/2021</b>	<b>1.270.000.000.000</b>	<b>9.133.928.481</b>	<b>103.606.738.224</b>	<b>1.382.740.666.705</b>

(i) Tổng Công ty phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2021 của Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021, Tổng Công ty trích lập Quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 5% trên lợi nhuận sau thuế năm 2020 với số tiền là 1.269.372.907 VND. Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty ủy quyền cho Hội đồng Quản trị căn cứ vào tình hình thực tế quyết định mức trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi. Đến ngày phát hành báo cáo này, Hội đồng Quản trị chưa quyết định mức trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi.

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/6/2021 VND	01/01/2021 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	509.001.000.000	509.001.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	508.000.000.000	508.000.000.000
Các cổ đông khác	252.999.000.000	252.999.000.000
<b>Tổng</b>	<b>1.270.000.000.000</b>	<b>1.270.000.000.000</b>

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và chia lợi nhuận**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Vốn góp đầu kỳ	1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	1.270.000.000.000	1.270.000.000.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển trong kỳ	1.269.372.907	-

**d. Cổ phiếu**

	30/6/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	127.000.000	127.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	127.000.000	127.000.000
Cổ phiếu phổ thông	127.000.000	127.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	127.000.000	127.000.000
Cổ phiếu phổ thông	127.000.000	127.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**5.22 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

Ngoại tệ các loại	30/6/2021	01/01/2021
USD	1.117,86	1.287,30

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	549.776.829.078	1.079.488.138.428
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.678.853.136	2.571.862.854
<b>Tổng</b>	<b>554.455.682.214</b>	<b>1.082.060.001.282</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 7.2)	534.939.436.250	648.470.271.667

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chiết khấu thương mại	1.161.137.564	-
Giảm giá hàng bán	690.597.579	-
Hàng bán bị trả lại	387.330.775	-
<b>Tổng</b>	<b>2.239.065.918</b>	<b>-</b>

**6.3 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	541.257.946.482	1.074.578.449.888
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.150.079.448	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	923.549.060
<b>Tổng</b>	<b>545.408.025.930</b>	<b>1.075.501.998.948</b>

**6.4 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	236.527.108	393.941.399
Lãi chậm thanh toán	-	879.512.451
Cổ tức, lợi nhuận được chia	94.042.235.264	84.872.477.699
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	383.983.090	1.246.637.672
Lãi bán các khoản đầu tư	3.759.117.103	102.171.236
Chiết khấu thanh toán	27.056.812	97.992.747
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	14.080.823	-
<b>Tổng</b>	<b>98.463.000.200</b>	<b>87.592.733.204</b>

**6.5 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lãi tiền vay	11.839.619.675	30.678.726.190
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	226.193.392	213.726
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	21.688.494	183.125.931
<b>Tổng</b>	<b>12.087.501.561</b>	<b>30.862.065.847</b>

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>1.118.366.488</b>	<b>14.117.793.491</b>
Chi phí nhân viên	-	554.371.884
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.100.726.438	12.971.191.797
Chi phí bằng tiền khác	17.640.050	592.229.810
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>15.974.489.060</b>	<b>27.864.557.881</b>
Chi phí nhân viên quản lý	8.830.868.330	12.292.066.939
Chi phí đồ dùng văn phòng	41.589.824	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.355.489.996	2.121.593.728
Thuế phí và lệ phí	34.679.600	74.418.758
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(733.064.101)	1.950.116.457
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.722.037.625	6.661.354.981
Chi phí bằng tiền khác	1.722.887.786	4.765.007.018
<b>Tổng</b>	<b>17.092.855.548</b>	<b>41.982.351.372</b>

**6.7 Thu nhập khác/chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	503.900.861	-
Thu từ chậm tiến độ, bồi thường	1.719.747.711	376.132.822
Thu phí sử dụng thương hiệu	1.048.998.982	1.263.277.001
Các khoản khác	926.758.999	265.822.830
<b>Tổng</b>	<b>4.199.406.553</b>	<b>1.905.232.653</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	664.557.968
Chi phí phạt vi phạm	-	1.670.537
Các khoản khác	1.275.482.505	249.441.151
<b>Tổng</b>	<b>1.275.482.505</b>	<b>915.669.656</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>2.923.924.048</b>	<b>989.562.997</b>



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**6.8 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	79.015.157.505	22.295.881.316
Lợi nhuận kế toán trước thuế	79.015.157.505	22.295.881.316
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:		
<i>Phạt chậm nộp</i>	18.584.132	1.670.537
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	4.212.310.871	4.870.955.541
<i>Khấu hao TSCĐ không được trừ</i>	157.305.300	111.759.468
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:	94.042.235.264	84.872.477.699
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức, lợi nhuận</i>	94.042.235.264	84.872.477.699
Thu nhập chịu thuế	(10.638.877.456)	(57.592.210.837)
Thu nhập tính thuế	(10.638.877.456)	(57.592.210.837)
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	826.126.677	-
Chi phí nhân công	8.830.868.330	12.846.438.823
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.110.115.046	2.744.727.694
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.792.243.722	23.557.298.748
Chi phí khác bằng tiền	1.101.100.692	5.358.236.828
<b>Tổng</b>	<b>21.660.454.467</b>	<b>44.506.702.093</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Từ ngày 09/7/2021, tình hình dịch bệnh COVID-19 tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam diễn biến phức tạp, khó lường và có những sự không chắc chắn. Trên thế giới, dịch bệnh vẫn đang có những diễn biến xấu và chưa được kiểm soát. Sự không chắc chắn này đặt ra các câu hỏi về sự suy giảm giá trị của một số tài sản nhất định và gây ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Tổng Công ty. Do tình hình diễn biến phức tạp nên sự ảnh hưởng của dịch bệnh vẫn chưa được đánh giá đầy đủ. Tuy nhiên, rất có thể đại dịch COVID-19 sẽ ảnh hưởng đáng kể tới doanh thu và kết quả hoạt động trong giai đoạn tiếp theo của Tổng Công ty, mức độ cụ thể phụ thuộc vào thời gian kéo dài của dịch bệnh và tình hình kiểm soát của Chính phủ.

Ngoài sự kiện trên và sự kiện Hội đồng quản trị Tổng Công ty đã có Nghị quyết về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Bình Phước tại Thuyết minh số 5.14 - Đầu tư tài chính dài hạn, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2021.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan**

**Danh sách các bên liên quan gồm:**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Bà Đỗ Thị Hiếu	Chủ tịch HĐQT
Ông Tô Dũng	Nguyên Chủ tịch HĐQT
Ông Cao Trường Thọ	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Việt Thắng	Thành viên HĐQT
Ông Đặng Minh Thừa	Thành viên HĐQT
Ông Hồ Đình Thuần	Nguyên Thành viên HĐQT
Ông Võ Thành Nhân	Nguyên Thành viên HĐQT
Ông Đào Quang Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Phạm Việt Thắng	Nguyên Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Trần Linh Chi	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Lê Văn Huy	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Cao Trường Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Nguyên Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đình Thuần	Nguyên Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thái Hiệp	Nguyên Phó Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Công ty con
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Công ty con
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FiCO	Công ty con
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Công ty con
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Công ty con
Công ty Cổ phần Xi Măng FiCO Tây Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Hoá An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vitaly	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Havalí FiCO	Công ty liên kết
Công ty TNHH Xây dựng FiCO Corea	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Bình Phước	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ Cao	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bê tông FiCO Pan United	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bao bì Khoáng sản Số 01	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Đầu tư FICO	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Khoáng sản FiCO Tây Ninh	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Vật liệu Xây dựng FiCO (BMT)	Đầu tư khác
Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long	Đầu tư khác

4. 01  
CÔNG  
TY  
M T  
VIE  
AN



**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

**a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc**

**Tiền lương, thù lao và các lợi ích khác của Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Bà Đỗ Thị Hiếu	Chủ tịch (Bầu từ ngày 22/4/2021)	357.550.000	331.500.000
Ông Tô Dũng	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)	279.400.000	438.000.000
Ông Cao Trường Thu	Ủy viên	16.000.000	-
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Ủy viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)	16.000.000	-
Ông Đặng Minh Thừa	Ủy viên (Bầu từ ngày 22/4/2021)	24.750.000	-
Ông Hồ Đình Thuận	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)	4.000.000	48.000.000
Ông Võ Thành Nhân	Ủy viên (Miễn nhiệm từ ngày 22/4/2021)	211.550.000	331.500.000
<b>Tổng</b>		<b>957.250.000</b>	<b>1.197.000.000</b>

**Thù lao của thành viên Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Ông Đào Quang Sơn	Trưởng Ban Kiểm soát (Bầu từ ngày 22/4/2021)	49.520.000	30.000.000
Ông Phạm Việt Thắng	Trưởng Ban Kiểm soát (Từ nhiệm từ ngày 22/4/2021)	32.000.000	48.000.000
Bà Trần Linh Chi	Thành viên Ban Kiểm soát (Bầu từ ngày 22/4/2021)	10.000.000	-
Ông Lê Văn Huy	Thành viên Ban Kiểm soát (Bầu từ ngày 22/4/2021)	10.000.000	-
Ông Hồ Bảo Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát (Từ nhiệm từ ngày 27/7/2020)	-	30.000.000
<b>Tổng</b>		<b>101.520.000</b>	<b>108.000.000</b>

197  
TY  
H  
ÁN  
NAM  
21 -

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

- a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng giám đốc (Tiếp theo)  
Tiền lương và các lợi ích khác của Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
Ông Cao Trường Thọ	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc từ ngày 15/5/2021; Người được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 15/5/2021)	282.083.400	-
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15/05/2021; Người được ủy quyền công bố thông tin từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/5/2021)	333.916.600	262.500.000
Ông Nguyễn Quang Trung	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 15/03/2020)	-	150.897.700
Ông Phạm Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 01/5/2021) Kế toán trưởng	274.050.000	283.500.000
Ông Hồ Đình Thuận	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 15/01/2021)	54.250.000	325.500.000
Ông Lã Thái Hiệp	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/05/2021) Kế toán trưởng	182.916.700	262.500.000
<b>Tổng</b>		<b>1.127.216.700</b>	<b>1.284.897.700</b>

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Cho kỳ kế toán</b>	<b>Cho kỳ kế toán</b>
		<b>6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</b>	<b>6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND</b>
<b><u>Giao dịch mua</u></b>		<b>365.965.775.374</b>	<b>97.485.211.712</b>
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Mua đá	13.908.494.763	28.159.740.726
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Mua vật liệu	6.836.585	2.075.741.545
Công ty Cổ phần Xi Măng FiCO Tây Ninh	Mua xe ô tô	-	2.428.312.500
Công ty Cổ phần Vitaly	Mua bao bì	74.772.561.570	-
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Mua gạch	102.260.042.228	163.029.915
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Mua gạch	175.017.840.228	64.658.387.026
<b><u>Giao dịch bán</u></b>		<b>534.939.436.250</b>	<b>648.470.271.667</b>
Công ty Cổ phần Vitaly	Bán vật liệu xây dựng	-	17.322.760.661
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Bán hàng hóa	126.988.184	29.800.602.472
Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	Bán vật liệu xây dựng	155.615.900	417.410.400
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Bán vật liệu xây dựng	-	92.822.696.364
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FICO	Bán gạch	386.165.514.401	78.386.487.253
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Bán vật liệu xây dựng	147.336.312.311	428.565.309.063
Công ty Cổ phần Đầu tư FICO	Cho thuê mặt bằng	1.155.005.454	1.155.005.454

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2020 VND
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	Cổ tức được chia	64.987.851.500	71.144.791.599
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Cổ tức được chia	4.431.998.000	1.108.000.100
	Thu nhập từ phí sử dụng nhãn hiệu FICO	1.048.998.982	1.263.277.001
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Lợi nhuận được chia	1.490.180.349	-
	Chi phí hỗ trợ bù gạch bể vỡ	699.492.210	-
	Giảm trừ doanh thu	1.845.650.028	-
Công ty Cổ phần Hóa An	Cổ tức được chia	11.275.029.000	7.516.686.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Fico Tây Ninh	Cổ tức được chia	1.950.000.000	780.000.000
Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (Công ty CP Nagecco)	Cổ tức được chia	226.500.000	302.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Doanh thu cho thuê văn phòng	547.502.454	-
	Thu nhập từ phạt chậm thanh toán	225.809.661	-
	Chiết khấu thanh toán	226.193.392	-
	Chi phí dịch vụ quản lý bất động sản	1.240.000.000	-
	Giảm trừ doanh thu	393.415.890	-
	Doanh thu khác	38.547.461	-
	Lãi cho vay	-	8.936.541.416
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh Fico	Cổ tức được chia	9.317.000.000	3.700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Kinh Doanh Vật Liệu Xây Dựng FiCO	Cổ tức được chia	320.876.415	321.000.000
Công ty Cổ Phần Gạch men Thanh Thanh	Thu nhập từ hỗ trợ bù gạch bể vỡ	213.085.949	-
	Giảm giá hàng bán	1.068.698.253	-
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Thu nhập từ hỗ trợ bù gạch bể vỡ	275.186.424	-
	Thu tiền phạt chậm thanh toán	967.571.329	-
	Giảm giá hàng bán	1.327.715.780	-
	Chi phí khác	7.710.400	-
Công ty Cổ phần Vitaly	Thu nhập từ hỗ trợ bù gạch bể vỡ	60.565.995	-
Công ty Cổ phần Bao bì Khoáng sản Số 01	Cổ tức được chia	42.800.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư FICO	Thu nhập từ dịch vụ hỗ trợ pháp lý	570.000.000	-

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất số dư</u>	<u>30/6/2021</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2021</u> <u>VND</u>
<b><u>Phải thu khách hàng</u></b>		<b>130.050.559.921</b>	<b>246.217.625.872</b>
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	36.297.458.738	57.726.817.091
Công ty Cổ phần Vitaly	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	-	12.999.998.978
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	656.468.729	1.270.295.940
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	39.167.532.431	44.367.532.431
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FiCO	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	17.338.653.956	17.338.653.956
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ cao	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	146.801.280	146.801.280
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	139.687.002	-
Công ty TNHH MTV TM Vật liệu Xây dựng FiCO	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	36.132.780.295	111.446.546.985
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO Đà Nẵng	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	-	920.979.211
Công ty Cổ phần Xi măng FiCo Tây Ninh	Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ	171.177.490	-
		<b>173.197.456.516</b>	<b>151.454.944.896</b>
<b><u>Trả trước cho người bán</u></b>			
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Ứng trước tiền mua vật liệu xây dựng	171.169.479.866	149.426.968.246
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FiCO	Ứng trước tiền hàng	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ cao	Ứng trước tiền hàng	27.976.650	27.976.650

D.T  
C.T  
T  
KIẾ  
P.A  
H

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Bên liên quan	Tính chất số dư	30/6/2021	01/01/2021
		VND	VND
<b>Phải thu khác</b>		<b>190.805.375.968</b>	<b>142.192.195.772</b>
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Phải thu về lợi nhuận	-	5.478.000.000
Công ty Cổ phần Vitaly	Vốn điều lệ	20.579.214.440	20.579.214.440
	Nợ trước cổ phần hóa	4.852.757.195	4.852.757.195
	Các khoản khác	-	3.688.800
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Phải thu về cổ tức	11.034.224.460	6.647.997.000
Công ty Cổ phần Gạch Đông Nam Á	Các khoản khác	1.265.571.329	1.003.803.709
Công ty Cổ phần Havali Fico	Nợ trước cổ phần hóa	5.462.296.435	5.462.296.435
Công ty Cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh	Phải thu về cổ tức	64.987.851.500	-
Công ty Cổ phần FiCO Công nghệ cao	Nợ trước cổ phần hóa	21.196.748	21.196.748
Công ty Cổ phần Gạch men Thành Thanh	Phải thu về cổ tức	-	3.667.316.400
	Tiền đặt cọc	-	12.760.000.000
	Phải thu khác	216.778.811	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	Phải thu về lãi cho vay	7.923.054.795	7.923.054.795
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Phải thu về lợi nhuận	11.710.794.592	11.393.794.592
	Phải thu về cổ phần hóa	15.528.002.872	15.528.002.872
Công ty TNHH MTV TM Vật liệu Xây dựng FiCO	Các khoản khác	352.560.005	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Phải thu liên quan dự án FiCO Tower	22.935.400.945	22.935.400.945
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO Đà Nẵng	Các khoản khác	2.766.169.503	2.766.169.503
Công ty CP Đầu tư FiCO	Phải thu khác	12.959.209.693	12.959.209.693
Công ty Cổ phần BT20 Cửu Long	Phải thu khác	8.210.292.645	8.210.292.645

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 -  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Tầng 15 Tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur,  
phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021

**7. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất số dư</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>01/01/2021 VND</b>
<b><u>Phải trả người bán</u></b>			
Công ty Cổ phần Phước Hòa FiCO	Mua hàng hóa, dịch vụ	38.458.137.083 15.029.574.076	65.304.076.552 129.178.715
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	Mua hàng hóa, dịch vụ	16.079.482.257	37.240.683.055
Công ty Cổ phần Vitaly	Mua hàng hóa, dịch vụ	5.297.800.750	24.142.338.562
Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.092.080.000	3.791.876.220
Công ty TNHH MTV TM Vật liệu Xây dựng FiCO	Mua hàng hóa, dịch vụ	959.200.000	-
<b><u>Phải trả khác</u></b>			
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO Đà Nẵng	Các khoản khác	56.467.202.178 395.000.000	56.961.054.552 395.000.000
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO	Các khoản chi hộ	211.951.335	705.803.709
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	Phải trả liên quan dự án FiCO Tower	55.050.584.932	55.050.584.932
Công ty Cổ Phần BT20-Cửu Long	Phải trả khác	809.665.911	809.665.911
<b><u>Chi phí phải trả</u></b>			
Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO	Chi phí dịch vụ quản lý bất động sản	245.000.000 150.000.000	- -
Công ty Cổ phần Đầu tư FiCO	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý	95.000.000	-

